



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

Địa chỉ: 37 Phan Bội Châu – Hồng Bàng - Hải Phòng

Điện thoại: (84-31) 3838680

Fax: (84-31) 3838033

Email: vipco.hp@vnn.vn

website: www.vipco.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2010

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thành lập:

Công ty cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I – theo quyết định số 2439/QĐ-BTM ngày 29/9/2005 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001919 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 26/12/2005. Tổng số vốn điều lệ đến ngày 31/12/2010 là **598.077.850.000** đồng, trong đó nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ.

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
- Tên tiếng Anh: Vietnam Petroleum Transport Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VIPCO
- Địa chỉ: (trụ sở chính): Số 37 Phan Bội Châu-Quận Hồng Bàng-Hải Phòng
- Địa chỉ liên lạc: Tầng 9, Tòa nhà CENTRAL-43 Quang Trung-Hải Phòng
- Điện thoại: (031) 383 8680
- Fax: (031) 383 8083
- Website: www.vipco.com.vn
- E-mail: vipco.hp@vnn.vn

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001919 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 26/12/2005, đăng ký thay đổi lần 09 ngày 18/01/2008.

2. Niêm yết:

Công ty được niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh) theo Giấy phép niêm yết số 71/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09/11/2006.

- Mã chứng khoán: VIP
- Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày giao dịch CP đầu tiên: 21/12/2006

- Số lượng CP niêm yết hiện tại: 59.807.785 cổ phiếu

3. Quá trình phát triển:

3.1 Ngành nghề kinh doanh:

- ☀ Vận tải ven biển và viễn dương;
- ☀ Đại lý vận tải đường biển, môi giới tàu biển và bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển, khai thuê hải quan;
- ☀ Kinh doanh khai thác cầu cảng;
- ☀ Kinh doanh xăng dầu, gas hóa lỏng, các sản phẩm hóa dầu;
- ☀ Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- ☀ Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng;
- ☀ Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- ☀ Hoạt động kho bãi và dịch vụ kho ngoại quan;
- ☀ Cho thuê nhà, văn phòng;

3.2 Tóm tắt quá trình hoạt động:

- Ngày 22/7/1980, Bộ Vật Tư, nay là Bộ Công Thương có quyết định số 1683/VT- QĐ thành lập Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, tiền thân của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO ngày nay;

- Ngày 29/9/2005, Bộ Thương Mại nay là Bộ Công Thương có quyết định số 2439/QĐ-BTM chuyển đổi Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I thành Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO;

- Ngày 02/12/2005, đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO; ngày 26/12/2005, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần;

- Ngày 09/11/2006, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép niêm yết số 71/UBCK-GPNY cho phép Công ty được niêm yết **35.100.000 cổ phiếu** trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM. Ngày 21/12/2006 cổ phiếu của Công ty lần đầu tiên được giao dịch;

- Ngày 11/04/2007, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM có quyết định số 21/QĐ-TTGDCK chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung **7.020.000 cổ phiếu** phát hành bổ sung tăng vốn điều lệ lên **421.200.000.000 đồng**. Ngày 19/4/2007 cổ phiếu phát hành bổ sung chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM;

- Ngày 17/12/2007, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM có quyết định số 180/QĐ-SGDHCM chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung **17.687.785 cổ phiếu** phát hành bổ sung tăng vốn điều lệ lên **598.077.850.000 đồng**. Ngày 25/12/2007 cổ phiếu phát hành bổ sung chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM;

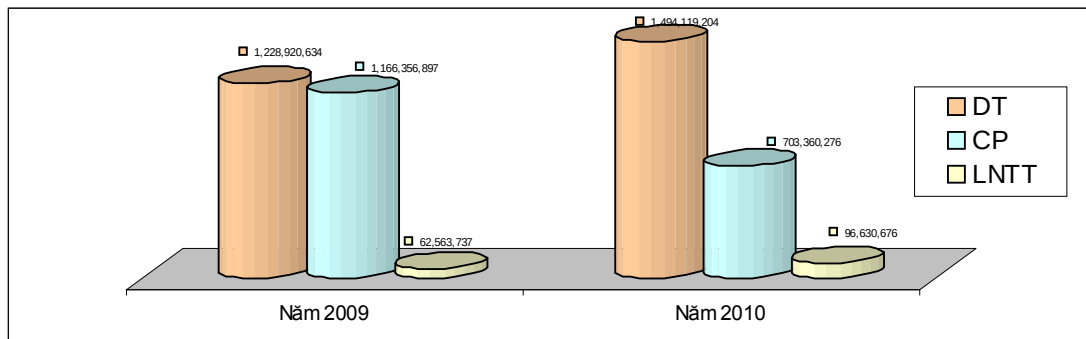
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các sự kiện nổi bật trong năm 2010:

- ☀ Giải thưởng Thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2010;
- ☀ Bằng khen của UBND thành phố Hải Phòng năm 2010.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2010	SO SÁNH (%)	
				TH 2009	KH 2010
1	Sản lượng				
	Sản lượng vận chuyển	M3	3.603.193	104,62	87,84
	Sản lượng luân chuyển	M3.KM	8.577.488.800	141,85	105,82
	Sản lượng xuất bán XD	M3.T	59.296	72,90	72,15
2	Tổng doanh thu	1.000 đ	1.494.119.204	121,58	102,54
3	Giá vốn	1.000 đ	694.128.252	108,77	93,05
4	Tổng chi phí	1.000 đ	703.360.276	133,17	110,43
5	LN trước thuế (2-3-4)	1.000 đ	96.630.676	154,45	130,20



Biểu đồ kết quả kinh doanh của VIPCO năm 2009-2010

3. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban quản lý các dự án triển khai các công việc có liên quan đến các dự án đầu tư và duyệt các văn bản tài liệu theo phân công, kết quả triển khai các dự án như sau:

- *Dự án Kho cảng Hóa dầu:* Đã hoàn thành các hạng mục xây lắp của gói thầu số 2 gồm bốn xuất cho tàu 1.000 DWT- Kè bảo vệ bờ và kè thượng hạ lưu, hiện tại đang tiến hành phun cát san lấp mặt bằng giai đoạn 2; đang thi công khuôn đường và san lấp cát đen lòng đường thuộc gói thầu XL 5 (gồm thi công đường trục tuyến 2, tuyến 3 Cảng Hóa dầu, đường gom khu công nghiệp).

- *Dự án Cảng Container*: Đã hoàn thành việc chào, chọn thầu gói thầu xây lắp 1 và khởi công xây dựng từ đầu tháng 9/2010, hiện đã nạo vét xong khu vực đóng cọc cừ và đóng cọc thử. Đang triển khai thi công đóng cọc đại trà.

- *Dự án cao ốc 37 Phan Bội Châu*: Đã hoàn thành xây dựng móng và 03 tầng hầm, hiện đang thi công sàn tầng 1 và tiến hành kiểm tra, hoàn thiện các công việc cuối cùng của gói thầu thi công móng và tầng hầm. Đã thông tầng hầm 43 Quang Trung và 37 Phan Bội Châu để khai thác bãi đỗ xe cao ốc 37 Phan Bội Châu. Đang thi công phần thân và chọn thầu phần kính.

- *Dự án cao ốc 43 Quang Trung*: Công ty đang tổ chức nghiệm thu và đẩy mạnh tiếp thị khách hàng, trong năm 2010 đã lấp đầy 50% diện tích cho thuê.

Huy động vốn đầu tư cho các dự án:

Hội đồng quản trị đã thống nhất thông qua Phương án phát hành 300 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp nhằm huy động vốn đầu tư cho Dự án Cảng Hóa dầu - Container VIPCO và cao ốc 37 Phan Bội Châu, đến nay đã phát hành được 30 tỷ đồng trái phiếu. Do việc huy động vốn từ Dự án Anh Dũng VII hiệu quả hơn, nên Hội đồng quản trị tạm dừng phát hành trái phiếu.

4. Những khoản đầu tư lớn năm 2010:

- ☀ Đầu tư Cụm cảng Hoá dầu-Container VIPCO;
- ☀ Đầu tư xây dựng cao ốc 37 Phan Bội Châu - Hải Phòng;
- ☀ Đầu tư xây dựng cao ốc 43 Quang Trung - Hải Phòng.

5. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2011:

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế thế giới và Việt nam, dựa trên định hướng chiến lược dài hạn của VIPCO, Hội đồng quản trị đưa ra kế hoạch hoạt động năm 2011 như sau:

- Chỉ đạo triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2011;
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát; củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả và bảo toàn vốn;
- Đi đôi với việc hoàn thiện chiến lược và các kế hoạch phát triển trung-dài hạn, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy trình tác nghiệp, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý;
- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch;
- Chuẩn bị nhân sự và xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2015 và các nội dung lớn có liên quan đến Đại hội nhiệm kỳ II.
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2010:

1.1 Chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính năm 2010:

Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Năm 2010	Năm 2009
<u>I. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</u>			
<u>1. Cơ cấu tài sản</u>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	16,20	15,60
- Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	83,80	84,32
<u>2. Cơ cấu nguồn vốn</u>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	60,20	63,13
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	39,37	36,45
<u>II. Khả năng thanh toán</u>			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,19	0,06
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,66	1,05
<u>III. Tỷ suất lợi nhuận</u>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	4,46	2,80
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	5,45	4,28
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	%	9,05	6,38

1.2 Những biến động lớn ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty năm 2010:

Nền kinh tế đã có những dấu hiệu khả quan, biểu hiện qua tăng trưởng GDP cả năm 2010 đạt hơn 6,78%, cao hơn mục tiêu đề ra là 6,5%. Tuy nhiên, những dấu hiệu bất ổn như thâm hụt, lạm phát, chỉ số CPI cao... tiếp tục tác động bất lợi đến toàn bộ nền kinh tế.

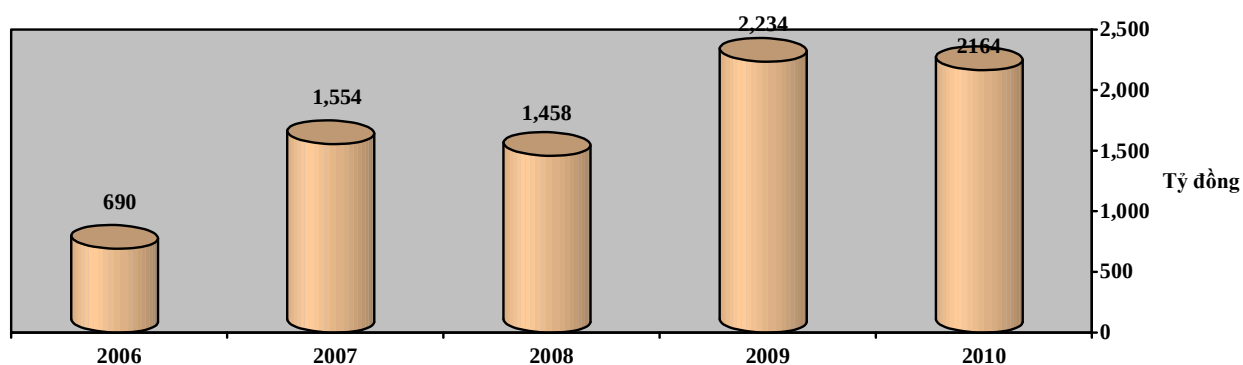
- Thị trường tàu vận tải biển nói chung đã có tín hiệu tích cực, tuy nhiên mức tăng trưởng chậm hơn so với đà hồi phục của nền kinh tế, thị trường tàu dầu sản phẩm vẫn rất khó khăn do cung lớn hơn cầu.

- Tỷ giá liên ngân hàng của đồng USD tăng tổng cộng 5,52% vào ngày 10/2/2010 và 17/8/2010 từ 17.941 đồng/USD lên 18.932 đồng/USD dẫn đến chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá tăng.

1.3 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2010	Tại 31/12/2009	So sánh (%)
A.TÀI SẢN	2.164.337.005.572	2.233.751.040.887	96,89
I. Tài sản ngắn hạn	350.631.192.385	348.533.404.583	100,60
II.Tài sản dài hạn	1.812.872.479.853	1.883.550.969.637	96,25
III. Lợi thế thương mại	833.333.334	1.666.666.667	50,00
B. NGUỒN VỐN	2.164.337.005.572	2.233.751.040.887	96,89
I. Nợ phải trả	1.303.037.998.110	1.410.199.116.271	92,40
II. Vốn chủ sở hữu	852.104.139.861	814.103.754.385	104,67
III.Lợi ích cổ đông thiểu số	9.194.867.601	9.448.170.231	97,32



Biểu đồ thay đổi giá trị tổng tài sản từ năm 2006 đến năm 2010

1.4 Những thay đổi về vốn cổ đông:

- Năm 2009 : 598.077.850.000 đồng
- Năm 2010 : 598.077.850.000 đồng

1.5 Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm 18/3/2011:

- Số lượng chứng khoán đã phát hành: 59.807.785 cổ phiếu
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 59.807.785 cổ phiếu
Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 59.807.785 cổ phiếu
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 59.807.785 cổ phiếu
Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

1.6 Cổ tức trên mỗi cổ phiếu:

Ngày 03/3/2011, Hội đồng quản trị Công ty đã có công văn số 80/VP-CV- HĐQT về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cổ tức và ĐHCĐ. Tỷ lệ trả cổ tức năm 2010 là 7% bằng tiền mặt (700 đồng/cổ phiếu), cụ thể:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 16/3/2011
- Ngày đăng ký cuối cùng: 18/3/2011
- Ngày thanh toán: 14/4/2011

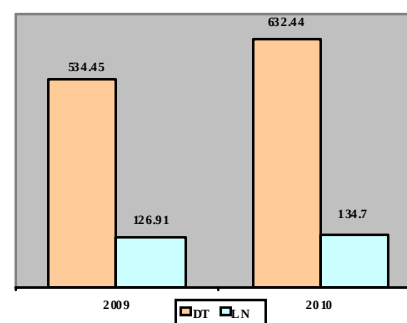
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực:

2.1 Hoạt động kinh doanh vận tải:

Nhìn chung, các tàu được Tổng công ty ký hợp đồng thuê định hạn đảm bảo ngày tàu tốt và hoạt động hiệu quả, giá cước và nguồn hàng ổn định. Tuy nhiên các tàu khai thác ngoài không hiệu quả do khó khăn về nguồn hàng, giá cước thấp, thời gian chờ tàu dài; giá nhiên liệu tăng cao, một số tàu phải sửa chữa định kỳ. Bên cạnh đó, các tàu phải chịu các khoản chi phí lãi vay đầu tư, chênh lệch tỷ giá rất lớn đã làm tăng chi phí, giảm lợi nhuận, các tàu Petrolimex 16, Petrolimex 03 và Petrolimex 02 kinh doanh lỗ.

Đ/v: Tỷ đồng

	Năm 2009	Năm 2010	So với (%)	
			KH 2010	TH 2009
Doanh thu	534,448	632,444	102,17	118,34
Lợi nhuận	126,907	134,701	80,70	106,14

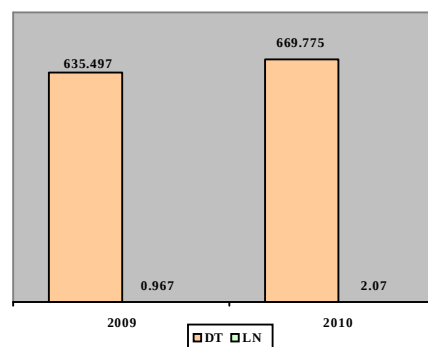


2.2 Hoạt động kinh doanh xăng dầu:

Mặc dù Công ty đã có nhiều biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh, thắt chặt và giảm tối đa chi phí, tích cực tìm kiếm và chăm sóc khách hàng, nâng cao uy tín, thương hiệu và chất lượng dịch vụ, tuy nhiên sản lượng xuất bán xăng dầu giảm so với năm 2009 và không đạt kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do sự suy giảm về nhu cầu vận tải, cạnh tranh ngày càng lớn từ các công ty ngoài và trong Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, công nợ phải thu cao, thời gian thanh toán của khách hàng kéo dài. Lợi nhuận của hoạt động này không đáng kể do mức hoa hồng chỉ đủ bù đắp chi phí.

Đ/v: Tỷ đồng

	Năm 2009	Năm 2010	So với (%)	
			KH 2010	TH 2009
Doanh thu	635,497	669,775	90,97	104,92
Lợi nhuận	0,967	2,070	65,99	214,01

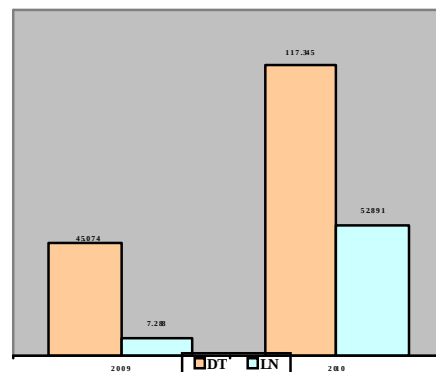


2.3 Kinh doanh bất động sản và các dịch vụ khác:

Năm 2010, doanh thu và lợi nhuận hoạt động kinh doanh Bất động sản tăng cao do Công ty thực hiện đẩy mạnh bán nhà và cơ sở hạ tầng dự án Anh Dũng VII để tập trung nguồn vốn cho các dự án của Công ty; doanh thu, lợi nhuận hoạt động dịch vụ khác không đáng kể.

Đ/v: Tỷ đồng

	Năm 2009	Năm 2010	So với (%)	
			KH 2010	TH 2009
Doanh thu	45,074	117,345	211,70	260,34
Lợi nhuận	7,288	52,891	1.044,33	725,70

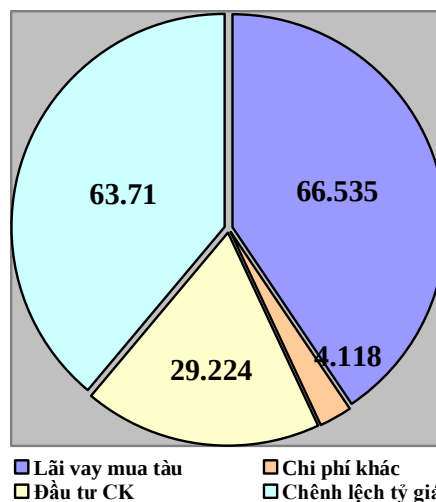


2.4 Hoạt động tài chính:

Thị trường tài chính tín dụng năm 2010 tiếp tục có những biến động mạnh. Ngân hàng nhà nước đã điều chỉnh tỷ giá liên ngân hàng của đồng USD tăng 5,52% vào các ngày 10/2/2010 và 17/8/2010 từ 17.941 đồng/USD lên 18.932 đồng/USD dẫn đến phát sinh lớn chi phí tài chính về chênh lệch tỷ giá của số nợ ngoại tệ.

Đ/v: Tỷ đồng

Stt	Chi phí tài chính	Giá trị
1	Lãi vay đầu tư tàu :	66,535
2	Lỗ do chênh lệch tỷ giá:	63,710
3	Dù phông giảm giá, CK	29,224
4	Chi phí tài chính khác	4,118
Tổng Cộng:		163,587



3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được về công tác quản lý:

Với những nỗ lực không ngừng và sự đoàn kết, đồng thuận của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty, năm 2010 Công ty đã được những tiến bộ vượt bậc trong công tác quản lý trên các mặt sau:

3.1 Công tác sản xuất kinh doanh:

- Công ty đã có giải pháp tích cực nâng cao chất lượng dịch vụ đội tàu, tăng cường quản lý hao hụt vận tải, mở rộng ra thị trường ngoài Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, thích ứng với điều kiện kinh doanh xăng dầu theo cơ chế cạnh tranh.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát từ việc lập kế hoạch đến triển khai thực hiện tất cả các khoản mục chi phí và định mức kinh tế kỹ thuật để thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí.

- Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện Hệ thống quản lý an toàn và kế hoạch an ninh tàu và cảng theo mô hình tổ chức mới, không ngừng nâng cao chất lượng công tác quản lý. Thực hiện ISO 9001-2000 và ISO 14000 đối với Công ty mẹ, xây dựng kế hoạch ISO cho các công ty con.

- Có các biện pháp tổ chức lại chế độ thông tin báo cáo phục vụ quản trị điều hành, thường xuyên kiểm tra giám sát, hướng dẫn nghiệp vụ.

3.2 Công tác quản lý sử dụng vốn:

- Bằng nhiều giải pháp huy động vốn phù hợp (vay ngân hàng, tìm đối tác liên doanh) đáp ứng nhu cầu đầu tư tàu và các dự án bất động sản, hạ tầng kho cảng, chú trọng nghiệp vụ quản lý khai thác hiệu quả dòng tiền, các biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá trong điều kiện dư vay ngoại tệ cao.

- Tập trung giải quyết một cách tích cực các vướng mắc với các bên liên quan thu hồi các khoản nợ đang tồn đọng.

3.3 Công tác tổ chức - tiền lương:

- Tách biệt chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty. Thực hiện việc giám kiêm nhiệm trong Ban Tổng giám đốc, đưa lực lượng cán bộ trẻ vào các vị trí để đào tạo; thiết lập các cơ chế đồng bộ và dài hạn cho việc phát triển nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng nhu cầu hiện tại và trong tương lai.

- Đánh giá lại hiệu quả hoạt động và tiềm năng phát triển của các Công ty con, các dự án đầu tư đã và đang triển khai để điều chỉnh định hướng đầu tư phát triển, cấu trúc lại Công ty mẹ-con theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, thuận lợi trong quản lý điều hành.

- Tiếp tục giao kế hoạch tiền lương theo đơn giá cho các loại hình kinh doanh thay thế phương thức tiền lương cố định nhằm nâng cao tính chủ động, tạo mặt bằng thu nhập giữa các đơn vị thành viên trên cơ sở hiệu quả kinh doanh.

3.4 Công tác soát xét Điều lệ và các quy chế quản lý:

Công ty đã xây dựng tiến độ thực hiện, phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Chủ tịch các công ty con trong việc triển khai soát xét Điều lệ và các quy chế quản lý của Công ty mẹ, công ty con. Đến nay, đã hoàn thành rà soát

Điều lệ Công ty mẹ, quy chế quản lý tài chính; ban hành quy chế quản lý kế hoạch, quy chế quản lý đầu tư Công ty mẹ và quyết định ban hành Điều lệ các công ty con.

4. Kế hoạch năm 2011:

4.1 Kế hoạch tài chính:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2011
1	Tổng sản lượng		
	✓ Sản lượng vận chuyển	M3	3.258.526
	✓ Sản lượng vận chuyển	M3.Km	7.567.285.600
	✓ Sản lượng xuất bán xăng dầu	M3.Tấn	61.900
2	Tổng doanh thu	1.000 đ	1.635.323.836
	✓ Kinh doanh vận tải	nt	660.097.317
	✓ Kinh doanh xăng dầu	nt	782.803.019
	✓ Kinh doanh BĐS và hoạt động khác	nt	187.679.500
	✓ Hoạt động tài chính	nt	4.744.000
	✓ Thu nhập khác	nt	
3	Giá vốn hàng bán	1.000 đ	803.065.766
	✓ Kinh doanh xăng dầu	nt	763.934.059
	✓ Kinh doanh BĐS và hoạt động khác	nt	39.131.707
4	Tổng chi phí	1.000 đ	719.746.070
	✓ Kinh doanh vận tải	nt	484.946.327
	✓ Kinh doanh xăng dầu	nt	16.918.593
	✓ Kinh doanh BĐS và hoạt động khác	nt	34.760.359
	✓ Hoạt động tài chính	nt	183.120.791
	✓ Chi phí khác	nt	
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	112.512.000
	✓ Kinh doanh vận tải	nt	175.150.990
	Lợi nhuận trừ lãi vay & chênh lệch t.giá	nt	12.652.000
	✓ Kinh doanh xăng dầu	nt	1.950.367
	✓ Kinh doanh BĐS và hoạt động khác	nt	113.787.434
	✓ Hoạt động tài chính	nt	(178.376.791)
	✓ Lợi nhuận khác	nt	
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000 đ	28.128.000
7	Lợi nhuận sau thuế (5-6)	1.000 đ	84.384.000
8	Nộp ngân sách	1.000 đ	72.885.583
9	Tỷ lệ trả cổ tức	%	9

4.2 Kế hoạch đầu tư:

TT	DỰ ÁN	GIÁ TRỊ KHÁI TOÁN (1.000 Đ)	ĐẦU TƯ NĂM 2011 (1.000 Đ)	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ
A	CÔNG TY MẸ:	839.500.000	268.500.000	
I	DỰ ÁN NĂM 2010 CHUYỂN SANG	839.500.000	268.500.000	
1	Dự án Cảng Container VIPCO	385.500.000	155.500.000	- Vốn đầu tư Cty - Vốn vay, hợp tác đ.tư
1.1	Thi công 02 bến Container	295.000.000	120.000.000	
1.2	Thi công đường gom B = 54 m	50.000.000	20.000.000	
1.3	Thi công đường điện 22 KV và TBA	5.500.000	5.500.000	
1.4	San lấp mặt bằng	35.000.000	10.000.000	
2	Dự án Cảng hóa dầu VIPCO	304.000.000	52.000.000	- Vốn đầu tư Cty - Vốn vay, hợp tác đ.tư
2.1	Thi công bến nhập xuất xăng dầu	72.000.000	25.000.000	
2.2	San lấp mặt bằng giai đoạn 3	12.000.000	12.000.000	
2.3	Lắp đặt thiết bị và xây dựng CSH	100.000.000	15.000.000	
3	Dự án cao ốc 37 Phan Bội Châu	150.000.000	61.000.000	- Vốn đầu tư Cty
3.1	Xây dựng phần thô phần thân	44.000.000	30.000.000	
3.2	Lắp đặt hệ thống công nghệ xếp xe	16.000.000	16.000.000	
3.3	Lắp đặt hệ vách kính tòa nhà	50.000.000	15.000.000	
II	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	0	0	
B	CÔNG TY THÀNH VIÊN:		5.650.000	
TỔNG CỘNG		839.500.000	274.150.000	

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010:

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		350.631.192.385	348.533.404.583
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		58.089.406.663	14.182.933.447
1.Tiền	111	V.01	21.238.935.400	12.682.933.447

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.850.471.263	1.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	5.287.371.717	6.475.327.402
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.677.014.330	10.671.521.102
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(5.389.642.613)	(4.196.193.700)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		163.679.644.487	159.298.041.513
1. Phải thu của khách hàng	131		86.210.862.501	67.095.926.401
2. Trả trước cho người bán	132		59.490.597.751	76.736.374.020
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.02a		-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134			-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	17.978.184.235	15.465.741.092
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			-
IV. Hàng tồn kho	140		97.298.567.339	137.195.268.762
1. Hàng tồn kho	141	V.04	97.298.567.339	137.195.268.762
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.276.202.179	31.381.833.459
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.838.153.480	1.830.596.346
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.347.012.511	4.954.388.236
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V05	39.966.874	59.213.429
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05a	23.051.069.314	24.537.635.448
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+270)	200		1.813.705.813.187	1.885.217.636.304
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			-
II. Tài sản cố định	220		1.740.910.396.983	1.798.282.954.424
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.626.002.641.954	1.670.732.512.394
- Nguyên giá	222		2.240.785.729.719	2.311.445.519.763
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(614.783.087.765)	(640.713.007.369)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		-
- Nguyên giá	225			-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15.667.679.327	5.660.137.805
- Nguyên giá	228		16.074.147.524	5.879.310.170

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(406.468.197)	(219.172.365)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	99.240.075.702	121.890.304.225
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		-
- Nguyên giá	241			-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		69.487.428.723	79.900.245.793
1. Đầu tư vào công ty con	251			-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		36.033.428.723	18.446.245.793
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	61.454.000.000	61.454.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn(*)	259		(28.000.000.000)	-
V. Lợi thế thương mại	260		833.333.334	1.666.666.667
VI. Tài sản dài hạn khác	270		2.474.654.147	5.367.769.420
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.14	2.326.476.860	5.266.592.133
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V.20		-
3. Tài sản dài hạn khác	278	V.14a	148.177.287	101.177.287
Tổng cộng tài sản(270 = 100 + 200)	280		2.164.337.005.572	2.233.751.040.887
NGUỒN VỐN				-
A. Nợ phải trả (300= 310+330)	300		1.303.037.998.110	1.410.199.116.271
I. Nợ ngắn hạn	310		302.433.076.898	330.519.790.539
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	196.728.457.935	217.942.400.870
2. Phải trả người bán	312		28.979.156.072	58.385.346.118
3. Người mua trả tiền trước	313		699.484.456	3.236.853.615
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	22.286.289.745	4.656.028.384
5. Phải trả người lao động	315		11.910.182.096	8.920.618.276
6. Chi phí phải trả	316	V.17	12.403.271.277	13.272.295.737
7. Phải trả nội bộ	317	V.17a		-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318			-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	24.821.988.529	15.919.310.861
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.604.246.788	6.276.517.028
II. Nợ dài hạn	330		1.000.604.921.212	1.081.589.745.382
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19a	857.895.993	10.800.000

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	997.900.286.860	1.079.043.570.425
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		922.533.863	624.955.307
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		924.204.496	1.910.419.650
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		852.104.139.861	814.103.754.385
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	852.104.139.861	814.103.754.385
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		598.077.850.000	598.077.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.633.094.834	5.633.094.834
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			27.861.784
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		75.545.807	(558.433.025)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		155.817.776.974	150.324.667.531
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		19.871.867.022	17.527.914.287
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		72.628.005.224	43.070.798.974
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			-
1. Nguồn kinh phí	431			-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	500		9.194.867.601	9.448.170.231
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400 + 500)	600		2.164.337.005.572	2.233.751.040.887

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Đvt	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	VNĐ		
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ	USD	140.791,33	308.384
- Euro	EUR	0,27	
TỔNG CỘNG			

2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010:

Đơn vị tính : đồng

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Năm 2010	Năm 2009
1	Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	1	VI.25	1.416.401.647.620	1.213.241.163.299
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.26	141.930.000	97.665.000
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	10	VI.27	1.416.259.717.620	1.213.143.498.299
4	Gía vốn hàng bán	11	VI.28	1.169.883.069.252	1.023.624.279.088
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		246.376.648.368	189.519.219.211
6	Doanh thu về hoạt động tài chính	21	VI.29	6.942.697.138	13.900.901.846
7	Chi phí tài chính	22	VI.30	163.587.766.137	86.499.606.659
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		65.932.065.656	59.111.913.999
8	Chi phí bán hàng	24		14.527.825.111	16.548.122.689
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		43.323.807.249	38.832.986.888
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		31.879.947.009	61.539.404.821
11	Thu nhập khác	31		70.612.888.206	1.109.870.864
12	Chi phí khác	32		6.166.060.197	851.901.217
13	Lợi nhuận /lỗ khác(40 = 31 - 32)	40		64.446.828.009	257.969.647
14	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		303.901.494	766.362.919
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(60=30+40+50)	50		96.630.676.512	62.563.737.387
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	19.506.119.949	2.431.719.912
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		8.179.555.123
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập hoãn lại (70= 60 - 61 - 62)	60		77.124.556.563	51.952.462.352
18.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		162.837.738	405.153.057
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		76.961.718.825	51.547.309.295
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		1.287	877

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010 (phương pháp gián tiếp):

Đơn vị tính: đồng

	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	96.630.676.512	62.563.737.387
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	162.593.539.400	141.860.756.299
-	Các khoản dự phòng	03	29.193.448.913	(19.988.655.701)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	55.273.941.675	33.415.359.180
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(68.980.963.875)	(3.330.999.604)

Chỉ tiêu		Mã số	Năm 2010	Năm 2009
-	Chi phí lãi vay	06	65.932.065.656	59.111.913.999
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
	trước thay đổi vốn lưu động	08	340.642.708.281	273.632.111.560
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(31.396.176.890)	(68.454.464.324)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	39.896.701.423	(41.299.358.031)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(47.335.931.958)	45.040.086.937
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.932.558.139	(1.086.080.290)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(71.083.181.497)	(51.459.611.751)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.858.134.813)	(3.424.236.305)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	847.095.993	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.249.120.101)	(4.899.897.003)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	220.396.518.577	148.048.550.793
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(70.121.461.470)	(969.755.529.882)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	64.192.889.651	462.257.913
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.650.064.050)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		36.305.721.149
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(17.500.000.000)	-
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.494.288.591	2.977.371.072
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.934.283.228)	(932.660.243.798)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		32.080.956.617
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	129.131.821.854	929.567.145.400
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(286.762.990.029)	(263.206.601.290)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(46.934.596.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(157.631.168.175)	651.506.904.727
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	43.831.067.174	(133.104.788.278)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.182.933.447	147.324.528.082
	Ảnh hưởng của t/đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	75.406.042	(36.806.357)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	58.089.406.663	14.182.933.447

4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010; Báo cáo tài chính trước khi hợp nhất, thuyết minh báo cáo tài chính trước khi hợp nhất năm 2010. (Theo báo cáo đã gửi cho Sở GDCK TP. HCM).

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập:

1.1 Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ: 40 Giảng Võ, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 37.367.879

Fax: (84-4) 37.367.869

Website: www.auditconsult.com/vn

1.2 Ý kiến kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) sau khi tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 có ý kiến như sau (nguyên văn báo cáo):

Số: 76/2011/BCTC-KTTV-KT4

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Công ty cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco và các công ty con gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2011, từ trang 08 đến trang 44 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 02 tháng 4 năm 2010 có dạng ý kiến ngoại trừ và lưu ý liên quan đến các vấn đề sau:

- (i) Khoản đầu tư mua 666.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần An Phú được phản ánh theo giá gốc là 57.224.000.000 VND. Do cổ phiếu của Công ty Cổ phần An Phú chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và Công ty cũng không xác định được giá tham khảo một cách đáng tin cậy theo đó Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.
- (ii) Công ty theo dõi trên khoản mục “Phải thu khác” khoản ứng trước cho Công ty TNHH Phương Hòa với số tiền là 7.100.340.000 VND. Khoản ứng trước này để đảm bảo thực hiện các Hợp đồng số 01/HĐ/VIPCO-PHOA ngày 02 tháng 10 năm 2007 và số 02/HĐ/VIPCO-PHOA ngày 15 tháng 10 năm 2007 về việc

Công ty TNHH Phương Hòa sẽ thu xếp vốn vay ưu đãi bằng ngoại tệ (USD) cho Công ty, thời hạn giải ngân bắt đầu trong năm 2008 và được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2010. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, chưa có khoản vay nào được giải ngân theo thỏa thuận nêu trên và Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản ứng trước này.

- (iii) Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đang theo dõi trên khoản mục “Tài sản ngắn hạn khác” khoản ký quỹ vào tài khoản của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thiên Lộc Phú tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Mạc Thị Bưởi thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 20.663.000.000 VND. Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/04/HTĐT/2008 ngày 01 tháng 4 năm 2008 và Biên bản thỏa thuận số 01/HĐ/VIPCO-TLP ngày 05 tháng 4 năm 2008, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thiên Lộc Phú sẽ thu xếp vốn vay ưu đãi cho Công ty, thời hạn giải ngân bắt đầu từ tháng 4 năm 2008. Tuy nhiên, đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, chưa có khoản vốn vay nào được giải ngân theo các hợp đồng và thỏa thuận nêu trên. Ngày 01 tháng 4 năm 2010, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thiên Lộc Phú đã có công văn xác nhận sẽ hoàn trả lại Công ty khoản tiền đã nhận nêu trên trong hoặc trước ngày 15 tháng 4 năm 2010.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Các vấn đề nêu trên Báo cáo kiểm toán năm trước đã xử lý trong năm nay

Trong năm 2010, Công ty đã thu hồi được khoản tiền 7.100.340.000 VND ứng trước cho Công ty TNHH Phương Hòa.

Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần An Phú là loại cổ phiếu chưa niêm yết và không có giá giao dịch tự do trên thị trường. Tuy nhiên, Công ty đang ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của loại cổ phiếu này để trích lập dự phòng giảm giá vào chi phí năm 2010, số tiền 28 tỷ VND.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, số tiền 20.663.000.000 VND chuyển cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thiên Lộc Phú vẫn chưa thu hồi được và Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản ký quỹ này.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tư
Phó Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0059/KTV

(Đã ký)

Cao Thu Hiền
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0803/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
(A&C)

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2011

1.3 Các nhận xét đặc biệt: Không có

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty:

1.1 Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam:

Địa chỉ: Số 1 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.38512603 Fax: 04.38519203

Tỷ lệ nắm giữ: 51% vốn điều lệ

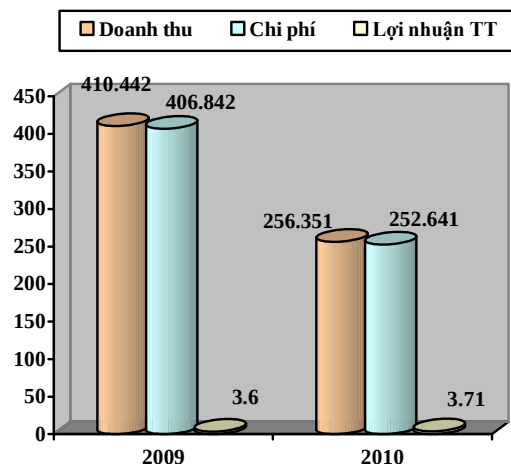
2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần do Công ty nắm giữ (tính đến ngày 31/12/2010):

2.1 Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hạ Long:

- Địa chỉ: Tổ 6, khu 5, Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh.
- Điện thoại: 033.829 183 Fax : 033.826 016
- E-mail: vipcohalong@vnn.vn
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, gas và các thiết bị sử dụng gas; Vận tải thủy, đại lý tàu biển, đại lý vận tải, môi giới hàng hải; Xuất nhập khẩu hàng hóa, vật tư, thiết bị phụ tùng, cung ứng tàu biển, kiểm đếm, khai thuê hải quan; Dịch vụ du lịch và kinh doanh du lịch lữ hành nội địa; Bán buôn phân bón; Cho thuê nhà, văn phòng.
- Vốn điều lệ : 25.000.000.000 đồng
Trong đó: 100% vốn của Công ty mẹ
- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2009-2010:

Đ/vị: Tỷ đồng

	Năm 2009	Năm 2010	% so với 2009
Tổng doanh thu	410,442	256,351	62,46
Tổng chi phí	406,842	252,641	62,10
LN trước thuế	3,600	3,710	103,06

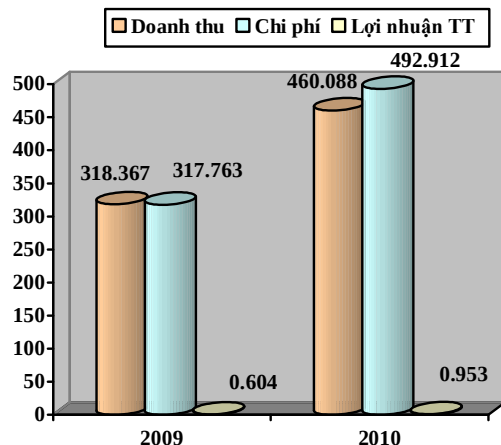


2.2 Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng:

- Địa chỉ: Số 275 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Điện thoại: 031.3 838 306 Fax : 031.3 530 977
- E-mail : vipco1@vnn.vn
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, gas và các thiết bị sử dụng gas; Vận tải thủy, đại lý tàu biển, đại lý vận tải, môi giới hàng hải, vệ sinh tàu biển; Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, vật tư, thiết bị, phụ tùng; Cung ứng tàu biển, khai thuê hải quan.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng
Trong đó: 100% vốn của Công ty mẹ
- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2009-2010:

Đ/vị : Tỷ đồng

	Năm 2009	Năm 2010	% so với 2009
Tổng doanh thu	318,367	460,088	144,51
Tổng chi phí	317,763	492,912	155,12
LN trước thuế	0,604	0,953	157,78



2.3 Công ty TNHH một thành viên Thuyền viên VIPCO:

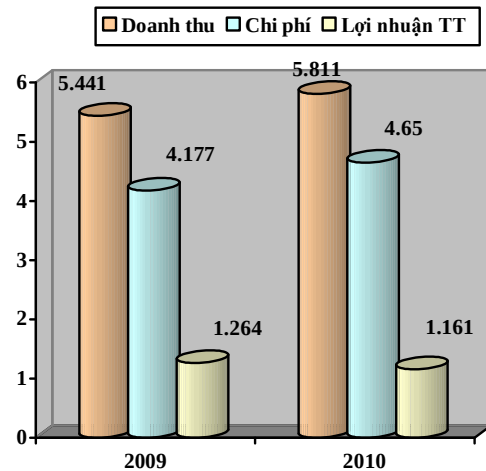
- Địa chỉ: Số 156/109-Cụm CN Đồng Hoà-Đường Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng.
- Điện thoại: 031.3 532 006 Fax : 031.3 838 033
- E-mail : vipco2@vnn.vn
- Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê thuyền viên
- Vốn điều lệ: 7.500.000.000 đồng

Trong đó: 100% vốn của Công ty mẹ

- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2009-2010:

Đ/vị: Tỷ đồng

	Năm 2009	Năm 2010	% so với 2009
Tổng doanh thu	5,441	5,811	106,80
Tổng chi phí	4,177	4,650	111,32
LN trước thuế	1,264	1,161	91,85

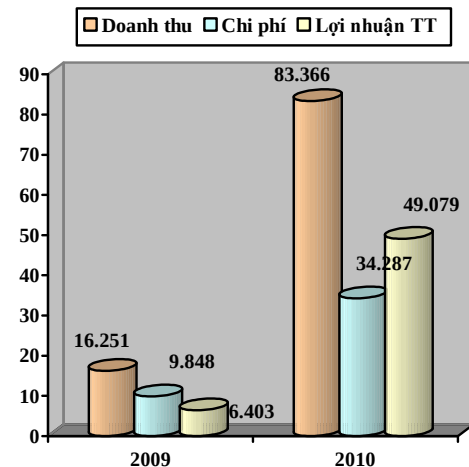


2.4 Công ty TNHH một thành viên Bất động sản VIPCO:

- Địa chỉ: Số 43 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Điện thoại: 031.3530542 Fax: 031.3838033
- E-mail: bdsvipco@gmail.com
- Nghành nghề kinh doanh: Thiết kế tổng mặt bằng quy hoạch, thiết kế kiến trúc, kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp. Cho thuê văn phòng; Khách sạn, nhà hàng; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy; Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Vốn điều lệ: 130.000.000.000 đồng
Trong đó: 100 % vốn của Công ty mẹ
- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2009-2010:

Đ/vị: triệu đồng

	Năm 2009	Năm 2010	% so với 2009
Tổng doanh thu	16,251	83,366	512,99
Tổng chi phí	9,848	34,287	348,16
LN trước thuế	6,403	49,079	766,50



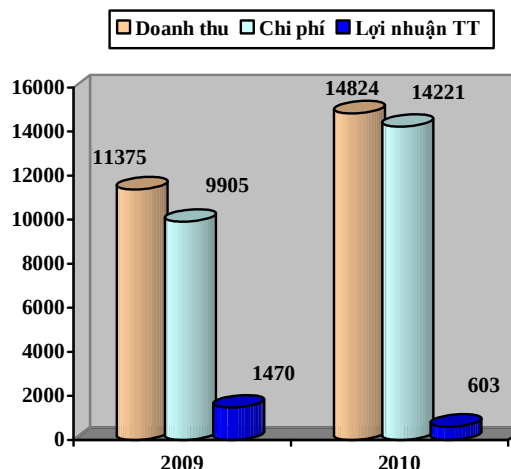
2.5 Trường Cao đẳng nghề Duyên Hải:

- Địa chỉ: Số 156/109-Cụm CN Đồng Hoà-Đường Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng.
- Điện thoại: 031.3 778228 Fax : 031.3 891037

- E-mail : dvcol@dvcol.edu.vn
- Ngành nghề kinh doanh: Đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực cho xã hội
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng
Trong đó: 70% vốn của Công ty mẹ
- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2009-2010:

Đ/vị: Tỷ đồng

	Năm 2009	Năm 2010	% so với 2009
Tổng doanh thu	11,375	14,824	130,32
Tổng chi phí	9,905	14,221	143,57
LN trước thuế	1,470	0,603	41,02



VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

- Công ty được tổ chức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các Phòng/ban.

1.1 Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

1.2 Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị là tổ chức quản trị cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ tối đa là 05 năm. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty.

- Các thành viên Hội đồng quản trị sẽ bầu ra Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Hội đồng quản trị thành lập Ban Tổng hợp HĐQT nhằm tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị thực hiện chức năng tổ chức và quản lý mọi hoạt động theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

1.3 Ban kiểm soát:

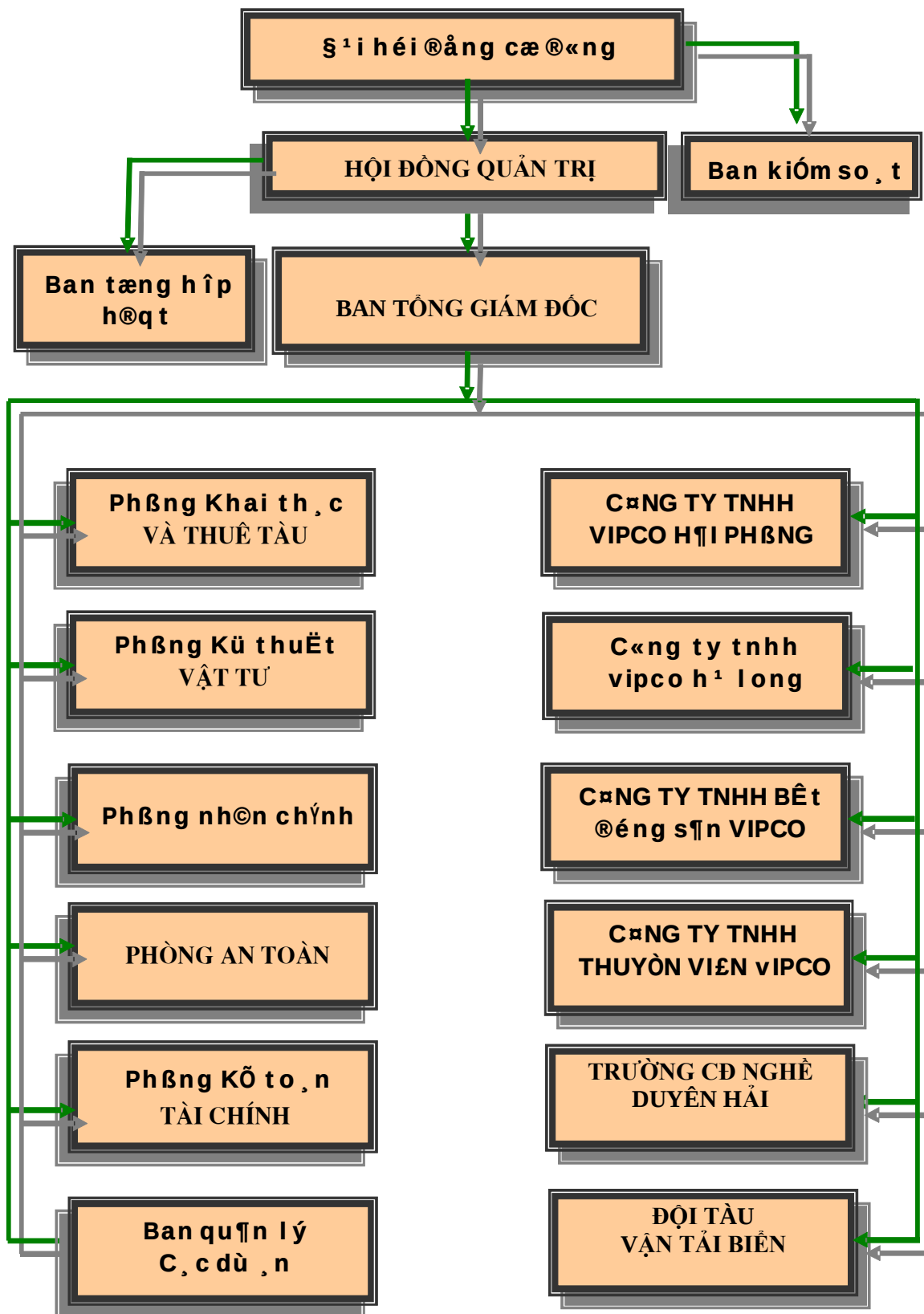
Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát Công ty hiện tại gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ tối đa là 05 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

1.4 Ban điều hành:

- Ban điều hành hiện tại của Công ty gồm có Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng và các Trưởng phòng/Ban. (07 Phòng, Ban).

- Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm với nhiệm kỳ 04 năm, là người chịu trách nhiệm chính trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC HIỆN TẠI:



2. Ban Tổng giám đốc điều hành:

- Ban Tổng giám đốc điều hành có 05 thành viên, đứng đầu là Tổng giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện hoàn thành các quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên Ban điều hành đã sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty.

- Thành viên Ban Tổng giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
Ông Vũ Ngọc Kháu	Tổng giám đốc	01/4/2009	Thành viên HĐQT
Ông Ngô Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	01/02/2010	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Tám	Phó Tổng giám đốc	01/01/2010	
Ông Vũ Quang Khánh	Phó Tổng giám đốc	01/7/2009	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Văn Vinh	Phó Tổng giám đốc	01/4/2010	

- Tóm tắt lý lịch cá nhân Ban Tổng giám đốc:

a) Tổng giám đốc - ÔNG VŨ NGỌC KHÁU

Họ và tên: **VŨ NGỌC KHÁU**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 06/04/1952
Nơi sinh: Tam Hưng, Thủy Nguyên, Hải Phòng
CMND: Số 030944509, Ngày cấp: 17/11/1990, Nơi cấp: Hải Phòng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 17/47 Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng
Số ĐT liên lạc: 031.3838815
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngoại thương, Cử nhân Anh văn
Quá trình công tác:
+ Từ 01/1972 - 11/1975: Bộ đội thuộc các Trung đoàn 6 - BTL 350
+ Từ 12/1975 - 09/1978: Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội
+ Từ 10/1978 - 08/1984: Giáo viên Trung tâm Ngoại ngữ Hải Phòng
+ Từ 09/1984 - 12/1993: Phiên dịch viên, cán bộ kinh doanh Công ty Vận

	tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 01/1994 - 04/2001:	Phó phòng Kinh doanh Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 05/2001 - 12/2005:	Phó Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 01/2006 - 03/2009:	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO
+ Từ 04/2009 - nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 18/3/2011):	56.743 cổ phần, chiếm 0,095% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	56.743 cổ phần, chiếm 0,095% vốn điều lệ

b) Phó Tổng giám đốc - ÔNG NGÔ QUANG TRUNG

Họ và tên:	NGÔ QUANG TRUNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	13/10/1954
Nơi sinh:	Sơn Hải, Quỳnh Lưu, Nghệ An
CMND:	Số 030205303, Ngày cấp 30/5/2003, Nơi cấp: Hải Phòng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 183 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng
Số ĐT liên lạc:	031.3838835
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư vỏ tàu thủy
Quá trình công tác:	
+ Từ 12/1971 - 11/1977:	Bộ đội, E9, Đoàn La Ngà Quân khu 9
+ Từ 08/1977 - 06/1983:	Sinh viên Trường Đại học Giao thông đường thủy Hải Phòng

+ Từ 07/1983 - 05/1988:	Cán bộ kỹ thuật Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 06/1988 - 10/1998:	Trưởng Ban kỹ thuật, Giám đốc Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà - Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I (từ tháng 4/1992)
+ Từ 10/1998 - 12/2000:	Phó Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I - Giám đốc Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà.
+ Từ 01/2001 - 03/2003:	Phó Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 04/2003 - 05/2004:	Phó Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I; Chủ tịch HĐQT Công ty PTS Hải Phòng
+ Từ 06/2004 - 12/2005:	Phó Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 01/2006 - nay:	Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu VPCO
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 18/3/2011):</i>	47.286 cổ phần, chiếm 0,079% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	47.286 cổ phần, chiếm 0,079% vốn điều lệ

c) Phó Tổng giám đốc - ÔNG NGUYỄN VĂN TÁM

<i>Họ và tên:</i>	NGUYỄN VĂN TÁM
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	10/02/1954
<i>Nơi sinh:</i>	Mê Linh, Lê Chân, Hải Phòng
<i>CMND:</i>	Số 030984442, Ngày cấp: 15/09/1993, Nơi cấp: Hải Phòng
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh

<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 6/47 Nguyễn Hữu Tuệ, Ngô Quyền, Hải Phòng
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	031.3530556
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Từ 04/1972 - 11/1976:	Phục vụ trong quân đội
+ Từ 12/1977 - 12/1982:	Sinh viên Đại học Giao thông đường thuỷ Hải Phòng
+ Từ 12/1983 - 02/1988:	Cán bộ Phòng Kinh doanh Công ty Vận tải Xăng dầu đường thuỷ I
+ Từ 03/1988 - 09/1996:	Phó Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Vận tải Xăng dầu đường thuỷ I
+ Từ 10/1996 - 01/2004:	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Vận tải Xăng dầu đường thuỷ I
+ Từ 02/2004 - 12/2005:	Phó Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thuỷ I
+ Từ 01/2006 - nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Phó Tổng Giám đốc
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 18/03/2011):</i>	17.198 cổ phần, chiếm 0,029 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	17.198 cổ phần, chiếm 0,029% vốn điều lệ

d) Phó Tổng giám đốc - ÔNG VŨ QUANG KHÁNH

<i>Họ và tên:</i>	VŨ QUANG KHÁNH
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	29/10/1962
<i>Nơi sinh:</i>	Xã Phương Định, Trục Ninh, Nam Định
<i>CMND:</i>	Số 031634188, Ngày cấp: 14/03/2007, Nơi cấp: Hải Phòng

<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	1/1A-174 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	031.838836
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư kinh tế vận tải sông; Cử nhân kinh tế thương mại
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Từ 09/1988 - 06/1994:	Cán bộ phòng kế toán Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 07/1994 - 02/1996:	Phó phòng kế toán Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 03/1996 - 10/1999:	Trưởng phòng kế toán Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 11/1999 - 12/2005 :	Kế toán trưởng Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I; Thành viên HĐQT Công ty PTS Hải Phòng từ năm 2001 - 2003; Thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng từ năm 2003.
+ Từ 01/2006 -06/2009:	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO;
+ Từ 07/2009 - nay:	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO;
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO;
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số CP nắm giữ: (tại thời điểm 18/3/2011):</i>	18.286 cổ phần, chiếm 0,022 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	18.286 cổ phần, chiếm 0,022% vốn điều lệ

e) Phó Tổng giám đốc - ÔNG PHẠM VĂN VINH

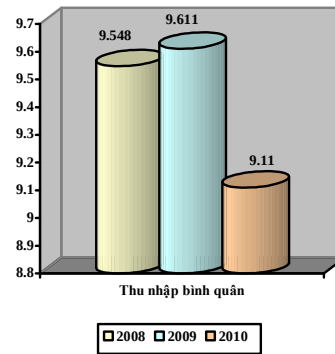
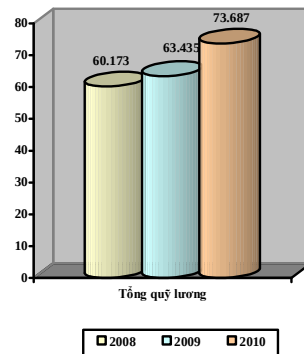
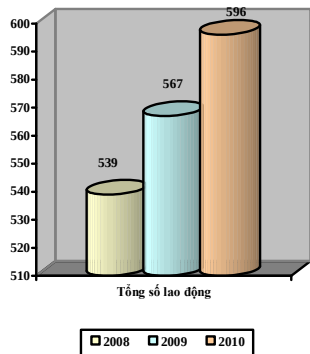
<i>Họ và tên:</i>	PHẠM VĂN VINH
<i>Giới tính:</i>	Nam

<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	15/05/1955
<i>Nơi sinh:</i>	Xã Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng
<i>CMND:</i>	Số 030699600, Ngày cấp: 21/11/2006, Nơi cấp: Hải Phòng
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	6A2 ngõ 19/5 Lê Thánh Tông, Hải Phòng
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	031.3838453
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư động lực tàu thủy
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ <i>Từ 01/1980 - 04/1982:</i>	Thợ máy tàu biển Biển Đông, Viện nghiên cứu Hải sản
+ <i>Từ 05/1982 - 12/1993:</i>	Kỹ sư, Cán bộ kỹ thuật phòng Kỹ thuật Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ <i>Từ 01/1994 - 06/2002:</i>	Phó trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ <i>Từ 07/2002 - 12/2005:</i>	Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ <i>Từ 01/2006 -03/2010:</i>	Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
+ <i>Từ 04/2010 -nay:</i>	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Phó Tổng giám đốc
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 18/3/2011):</i>	72.420 cổ phần, chiếm 0,121% vốn điều lệ
+ <i>Đại diện sở hữu:</i>	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ <i>Cá nhân sở hữu:</i>	72.420 cổ phần, chiếm 0,121% vốn điều lệ

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

3.1 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Stt	Các chỉ tiêu chính	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Tổng số lao động (Người)	539	567	596
2	Tổng quỹ lương thực hiện (Tỷ đồng)	60,173	63,435	73,687
3	Thu nhập bình quân (Triệu đ/người/tháng)	9,528	9,611	9,110



Biểu đồ lao động, quỹ lương, thu nhập bình quân từ năm 2008 đến năm 2010

3.2 Chính sách đối với người lao động:

a. Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

☀ Tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học, cao học chuyên ngành có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập, trình độ về ngoại ngữ và tin học.

☀ Chính sách thu hút nhân tài:

Công ty dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho công ty.

☀ Đào tạo:

Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho CBNV thông qua việc thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

b. Chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi:

Chính sách lương:

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. CBNV trong Công ty được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.

Chính sách thưởng:

Nhằm khuyến khích động viên CBNV trong công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

Tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên:

Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động hiệu quả. Hàng năm, CBNV Công ty đều được hưởng chế độ vào các dịp lễ, Tết.

4. Thay đổi thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

- *Thay đổi thành viên HĐQT*: không

- *Ban Tổng giám đốc*:

+ Bổ nhiệm Ông Phạm Văn Vinh - nguyên Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư, giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty từ ngày 01/4/2010.

- *Thay đổi kế toán trưởng*: không

5. Thay đổi Ban kiểm soát:

Ngày 22/3/2010, Ban kiểm soát Công ty đã chấp thuận đơn từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của Ông Phạm Văn Vinh.

Ngày 22/4/2010 Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Ngọc Lan làm thành viên ban Kiểm soát.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên, cơ cấu Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị công ty có 07 thành viên được Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm trong nhiệm kỳ 05 năm. Các thành viên HĐQT đã thực thi nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, đưa ra các quyết định kịp thời theo phương thức vì lợi ích cao nhất của Công ty.

- Trong năm 2010, Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 phiên họp để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, xem xét và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các dự án đầu tư...vv.

- Thành phần Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
Ông Nguyễn Đạo Thịnh	Chủ tịch	02/12/2005	Chuyên trách
Ông Ngô Quang Trung	Phó Chủ tịch	26/03/2007	
Ông Vũ Ngọc Kháu	Thành viên	02/12/2005	
Ông Vũ Quang Khánh	Thành viên	02/12/2005	
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	02/12/2005	
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên	02/12/2005	
Ông Nguyễn Quang Định	Thành viên	19/08/2009	

- Tóm tắt lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

a) Chủ tịch HĐQT - ÔNG NGUYỄN ĐẠO THỊNH

Họ và tên: **NGUYỄN ĐẠO THỊNH**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/10/1952

Nơi sinh: Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội

CMND: Số 030107693, Ngày cấp 07/12/2007, Nơi cấp: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 1/186 Đàm Trung, Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số ĐT liên lạc: 031.3838607

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển

Quá trình công tác:

+ Từ 04/1975 - 08/1980: Cán bộ kế hoạch Công ty Vận tải biển Việt Nam

+ Từ 09/1980 - 01/1988: Phó phòng, Trưởng phòng kinh doanh Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I

+ Từ 02/1988 - 12/2000: Phó Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I

+ Từ 01/2001 - 02/2003: Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I, Chủ tịch HĐQT Công ty PTS Hải Phòng

+ Từ 03/2003 - 12/2005: Giám đốc Cty Vận tải Xăng dầu đường thủy I

+ Từ 01/2006 - 3/2009:	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO
+ Từ tháng 4/2009 - Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Chủ tịch HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 18/3/2011):	30.573.854 cổ phần, chiếm 51,118 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	30.503.304 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	70.550 cổ phần, chiếm 0,118% vốn điều lệ

b) Thành viên HĐQT - ÔNG LÊ THANH HẢI

Họ và tên:	LÊ THANH HẢI
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	07/09/1957
Nơi sinh:	Xã Kiến Thiết, Tiên Lãng, Hải Phòng
CMND:	Số 030871202, Ngày cấp: 12/07/2002, Nơi cấp: Hải Phòng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 89 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng
Số ĐT liên lạc:	031.3838306
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
Quá trình công tác:	
+ Từ 11/1973 - 10/1983:	Bộ đội Thiếu úy D33 Quân khu 3
+ Từ 11/1983 - 01/1989:	Sở Công an Thành phố
+ Từ 02/1989 - 12/1998:	Thủy thủ tàu biển, tàu sông Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 01/1999 - 10/2003:	Cửa hàng phó cửa hàng xăng dầu Sông Cấm Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 11/2003 - 12/2005:	Cửa hàng trưởng Cửa hàng Xăng dầu Sông Cấm Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I; Thành

	viên HĐQT Công ty PTS Hải Phòng
+ Từ 01/2006 - 03/2006:	Thành viên HĐQT; Cửa hàng trưởng Cửa hàng Xăng dầu Sông Cấm-Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO; Thành viên HĐQT Công ty PTS Hải Phòng.
+ Từ 04/2006 - nay:	Thành viên HĐQT; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng;
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên HĐQT Công ty CP PTS Hải Phòng
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 18/3/2011):	24.120 cổ phần, chiếm 0,040 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	24.120 cổ phần, chiếm 0,040% vốn điều lệ

c) Thành viên HĐQT - ÔNG NGUYỄN ANH DŨNG

Họ và tên:	NGUYỄN ANH DŨNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	11/12/1971
Nơi sinh:	Tiên Kiên, Lâm Thao, Phú Thọ
CMND/Hộ chiếu:	Số PTA1127557A, Ngày cấp 10/5/2004, Nơi cấp: Cục QL Xuất nhập cảnh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Nhà 39 E2 Tập thể Đại học thương mại, Hà Nội
Số ĐT liên lạc:	04.5622791
Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ Kinh tế
Quá trình công tác:	
+ Từ 1999 - 04/2005:	Phó Chánh văn phòng, Phó Phòng Gas, Phó Phòng Tài chính, Phó Phòng Xuất nhập khẩu Petrolimex
+ Từ 05/2005 - 12/2005	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex.

+ Từ 01/2006 - nay:	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO.a
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Tổng Giám đốc Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 18/3/2011):	3.461.349 cổ phần, chiếm 5,787 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	3.461.349 cổ phần, chiếm 5,787% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

d) Thành viên HĐQT - ÔNG NGUYỄN QUANG ĐỊNH

Họ và tên:	NGUYỄN QUANG ĐỊNH
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	28/11/1974
Nơi sinh:	Nam Định
CMND/Hộ chiếu	Số B0670200, Ngày cấp:15/9/2006, Nơi cấp: Cục QLXNC Bộ Công An
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	A14 Lô 12 Khu Đô thị mới Định Công, Hà Nội
Số ĐT liên lạc:	04.3281 1298
Trình độ chuyên môn:	Đại học chuyên ngành Kế Toán
Quá trình công tác:	
+ Từ 1991 - 1995	Sinh viên Học viện Tài Chính Kế toán.
+ Từ 09/1995 - 05/1997	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán - Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.
+ Từ 06/1997 - 12/1997	Thực tập tại Công ty liên doanh BP Petco
+ Từ 01/1998 - 04/2004	Kế toán trưởng Công ty liên doanh BP Petco.
+ Từ 05/2004 - 07/2005	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.
+ Từ 08/2005 - 07/2009:	Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank).

+ Từ 08/2009 - nay: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank). Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO.

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank).

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 18/3/2011): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

e) Phó Chủ tịch HĐQT - ÔNG NGÔ QUANG TRUNG (như mục 2.b phần VII)

f) Thành viên HĐQT - ÔNG VŨ NGỌC KHÁU (như mục 2.a phần VII)

g) Thành viên HĐQT - ÔNG VŨ QUANG KHÁNH (như mục 2.c phần VII)

1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2010:

a. Tổng kết các cuộc họp năm 2010:

Trong năm 2010 vừa qua, Hội đồng quản trị đã tiến hành 08 phiên họp (phiên 43 đến phiên 50) và 01 lần lấy ý kiến bằng văn bản (ngày 20/8/2010) để thảo luận và thông qua các quyết định quan trọng như:

- Chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên năm 2009, xem xét định hướng kế hoạch năm 2010, thảo luận một số vấn đề về công tác tổ chức cán bộ;

- Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán bến 1 Cảng hóa dầu và bến container, kế hoạch đấu thầu;

- Đầu tư tăng vốn và bảo lãnh hợp đồng vay vốn của Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP;

- Thực hiện sáp nhập Công ty TNHH Bất động sản VIPCO và Công ty TNHH Thương mại VIPCO;

- Lựa chọn và ký biên bản ghi nhớ với VOPAK, xem xét, quyết định việc bán tàu Petrolimex 03, Hạ Long 03, Hạ Long 04;

- Thông qua phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp;

- Điều chỉnh phương án phát hành trái phiếu, phương án sử dụng vốn và phương án trả gốc và lãi của đợt chào bán trái phiếu và phát hành đợt 1;

- Sửa đổi bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 22/4/2010 xem xét thông qua;

- Sửa đổi bổ sung và ban hành Quy chế quản lý tài chính và chỉ đạo Chủ tịch công ty thành viên triển khai sửa đổi Quy chế tài chính tại đơn vị mình;
- Sửa đổi, ban hành Điều lệ Công ty TNHH MTV Bất động sản VIPCO phù hợp với mô hình mới sau khi sáp nhập;
- Thay đổi ngành, nghề kinh doanh Công ty TNHH MTV Bất động sản VIPCO;
- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2010, chuẩn bị cho Đại hội cổ đông thường niên năm 2010, xem xét thông qua định hướng kế hoạch năm 2011, chi trả cổ tức năm 2010;
- Một số nội dung khác.

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được phân công và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý; bên cạnh đó, quy định rõ các chế độ thông tin, báo cáo và chế độ trách nhiệm rõ ràng với từng thành viên.

b. Công tác giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý:

- Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đã tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các quy chế, cơ chế và công tác điều hành; đồng thời điều chỉnh những điểm chưa phù hợp, sai sót trong quá trình thực hiện. Về cơ bản các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện với nỗ lực cao.

- Tiếp tục chỉ đạo Chủ tịch các công ty thành viên xây dựng hệ thống Quy chế quản lý phù hợp với Quy chế của Công ty mẹ và điều lệ công ty con.

2. Ban Kiểm soát Công ty:

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty. Ban kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

- Thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
Ông Lê Đức Bình	Trưởng ban	25/03/2009	Chuyên trách
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên	11/4/2008	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên	22/4/2010	

- Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát:

a) Trưởng Ban kiểm soát - ÔNG LÊ ĐỨC BÌNH

<i>Họ và tên:</i>	LÊ ĐỨC BÌNH
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	18/10/1968
<i>Nơi sinh:</i>	Phù Khê, Tiên Sơn, Bắc Ninh
<i>CMND:</i>	Số 031083642, Ngày cấp: 10/10/1996, Nơi cấp: Hải Phòng
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 1Đ/68 Nguyễn Công Trứ, Lê Chân, Hải Phòng
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	031.3532 007
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kế toán Công nghiệp-Đại học Tài chính Kế toán
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Từ 10/1989 - 05/1996:	Nhân viên Kế toán- Công ty máy Hải Phòng.
+ Từ 06/1996 - 02/1998:	Nhân viên Kế toán- Phòng Kế toán- Tài vụ- Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I.
+ Từ 03/1998 - 10/1999:	Phó trưởng phòng Kế toán- Tài vụ- Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I.
+ Từ 11/1999 - 09/2003 :	Phó Giám đốc Chi nhánh- Kiêm trưởng phòng Kinh doanh- Tổng hợp Chi nhánh Quảng Ninh thuộc Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I.
+ Từ 10/2003 -12/2004:	Phó Trưởng Ban điều hành dự án- Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I.
+ Từ 01/2005 -12/2005:	Phó Trưởng phòng Đầu tư kinh doanh bất động sản- Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I.
+ Từ 01/2006 -03/2006:	Phó Ban dự án- Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.
+ Từ 04/2006 -12/2006:	Giám đốc Chi nhánh VIPCO Anh Dũng- Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.
+ Từ 01/2007 -02/2009:	Giám đốc Công ty TNHH một thành viên bất động sản VIPCO thuộc Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.
+ Từ 03/2009 - nay:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

Các chức vụ công tác hiện nay tại Trưởng Ban kiểm soát
tổ chức niêm yết:

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại Không
tổ chức khác:

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 38.000 cổ phần, chiếm 0,064% vốn điều lệ
18/3/2011):

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 23.000 cổ phần, chiếm 0,038% vốn điều lệ

b) Thành viên Ban kiểm soát: ÔNG NGUYỄN ĐÌNH THANH

Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH THANH

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/05/1976

Nơi sinh: Xã Quảng Lộc, Quảng Xương, Thanh Hóa.

CMND: Số 171611357, Ngày cấp: 22/03/1994, Nơi cấp:
Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 12/11 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Số ĐT liên lạc: 031.3838267

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

+ Từ 03/1999 - 12/2000 Nhân viên thống kê tổng hợp phòng Kỹ thuật -
XN sửa chữa tàu Hồng Hà - thuộc Công ty vận
tải xăng dầu đường thủy I

+ Từ 01/2001 - 06/2002 Chuyên viên phòng Kỹ thuật-Sản xuất,Tổ chức -
Hành chính Công ty CP vận tải & dịch vụ
PETROLIMEX Hải Phòng

+ Từ 06/2002 - 09/2004 Cán bộ Thường trực giúp việc HĐQT Công ty
CP vận tải & dịch vụ PETROLIMEX Hải Phòng

+ Từ 10/2004 - 09/2005 Trưởng Văn phòng đại diện Công ty TNHH
Thiện Vương tại Hải Phòng

+ Từ 10/2005 - 12/2005 Chuyên viên phòng Tổ chức- Tiền lương Công ty
vận tải xăng dầu đường thủy I

+ Từ 01/2006 - nay	Phụ trách, Trưởng ban Tổng hợp Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO
+ Từ 04/2007 - nay	Thư ký Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO
+ Từ 04/2008 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Trưởng Ban Tổng hợp, Thư ký Công ty, Thành viên Ban kiểm soát
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 18/3/2011):</i>	53.713 cổ phần, chiếm 0,090% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	53.713 cổ phần, chiếm 0,090% vốn điều lệ

c) Thành viên Ban kiểm soát: BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

<i>Họ và tên:</i>	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN
<i>Giới tính:</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	19/06/1966
<i>Nơi sinh:</i>	Mê Linh – Lê Chân – Hải Phòng
<i>CMND:</i>	Số 030931704, Ngày cấp: 19/7/2004, Nơi cấp: Hải Phòng
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 3/72 Đông Hải, Lê Chân, Hải Phòng.
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	0913264481
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học Kinh tế Vận tải biển, Kinh tế Lao động
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Từ 02/1990 - 11/1991	Kế toán XN sửa chữa, Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I
+ Từ 12/1991 - 04/1993	Kế toán Cửa hàng xăng dầu số 1, Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I
+ Từ 05/1993 - 04/2001	Kế toán Cửa hàng xăng dầu Sông Cấm, Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I
+ Từ 5/1999 - 04/2001	Cán bộ tiền lương, Phòng Tổ chức lao động –

	Thanh tra, Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I
+ Từ 5/2001 - 04/2002	Phó trưởng phòng Tổ chức lao động – Thanh tra, Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I
+ Từ 05/2002 -12/2005	Phó trưởng phòng Tổ chức lao động, Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I
+ Từ 01/2006 - nay	Chuyên viên phụ trách lao động tiền lương – phòng Nhân chính, Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO
+ Từ 04/2010 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên Ban kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 18/3/2011):	23.900 cổ phần, chiếm 0,040% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	23.900 cổ phần, chiếm 0,040% vốn điều lệ

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 đã tiến hành bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát, Ban kiểm soát với cơ cấu gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng ban kiểm soát hoạt động chuyên trách. Trong năm 2010, Ban kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên và thông qua kế hoạch hoạt động, kế hoạch kiểm tra định kỳ 6 tháng tại Công ty mẹ và các công ty thành viên; Soát xét báo cáo tài chính tại Công ty mẹ và các công ty thành viên, công tác xây dựng KH SXKD hàng năm của các đơn vị.

Trong năm 2010 Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình, quá trình hoạt động của Ban kiểm soát luôn tuân thủ đúng Điều lệ, quy chế quản lý của Công ty. Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị, tham gia góp ý hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý tài chính Công ty, Điều lệ của các công ty thành viên .

Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm soát các hoạt động và việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.

Ban kiểm soát thực hiện soát xét, kiểm tra và thẩm định BCTC 6 tháng, năm của các đơn vị thành viên cũng như toàn hệ thống VIPCO.

Xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập, tham gia góp ý cùng Ban điều hành Công ty.

3. Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty trong năm 2011:

- Tiếp tục tăng số lượng thành viên chuyên trách, độc lập không điều hành. Tạo mọi điều kiện để phát huy hơn nữa vai trò của các thành viên độc lập trong HĐQT.

- Thường xuyên trao đổi với Ban kiểm soát về mọi vấn đề trong tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Hoàn thiện chiến lược và kế hoạch tài chính dài hạn, minh bạch làm cơ sở tin cậy cho các nhà đầu tư, các đối tác tài chính.

- Xây dựng cơ cấu quản lý công ty theo hướng tăng cường trách nhiệm trực tiếp và giảm tối đa cấp trung gian, tinh gọn bộ máy các phòng ban.

- Duy trì công bố thông tin đúng quy định, tăng cường thông tin hai chiều với cổ đông.

- Cải tiến, ban hành những chính sách nhân viên mới nhằm thúc đẩy kết quả làm việc của mỗi cá nhân, gắn liền với mục tiêu hoạt động của Công ty.

4. Tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2010:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 22/4/2010 và biên bản họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty, năm 2010 Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là: 1.661.360.000 đồng (*Một tỷ, sáu trăm sáu mươi một triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn*) trong đó:

- Tổng tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị là: 1.194.000.000 đồng.
- Tổng tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát là: 467.360.000 đồng.

6. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông nội bộ (theo danh sách chốt ngày 18/3/2011):

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2009		Năm 2010	
			Số lượng (Cp)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số lượng (Cp)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Hội đồng quản trị:						
1	Nguyễn Đạo Thịnh	Chủ tịch	65.550	0,110	70.550	0,118
	Đại diện cho: Tổng Công ty Xăng dầu VN		30.503.304	0,51	30.503.304	0,51

2	Ngô Quang Trung	Phó Chủ tịch	47.286	0,079	47.286	0,079
3	Vũ Ngọc Kháu	Thành viên	56.743	0,095	56.743	0,095
4	Vũ Quang Khánh	Thành viên	13.286	0,022	18.286	0,031
5	Lê Thanh Hải	Thành viên	24.120	0,040	24.120	0,040
6	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	0	0	0	0
<i>Đại diện cho: Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex</i>			3.461.349	5,787	0	0
7	Nguyễn Quang Định	Thành viên	0	0	0	0
Ban Tổng giám đốc:						
1	Vũ Ngọc Kháu	Tổng Giám đốc	56.743	0,095	56.743	0,095
2	Ngô Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	47.286	0,079	47.286	0,079
3	Vũ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	13.286	0,022	18.286	0,031
4	Nguyễn Văn Tám	Phó Tổng Giám đốc	17.198	0,029	17.198	0,029
5	Phạm Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc	72.420	0,121	72.420	0,121
Ban kiểm soát:						
1	Lê Đức Bình	Trưởng ban	38.000	0,064	23.000	0,038
2	Nguyễn Đình Thanh	Thành viên	52.713	0,088	53.713	0,090
3	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên			23.900	0,040
Kế toán trưởng:						
1	Mai Thế Cung	Kế toán trưởng	35.102	0,059	35.102	0,059

7. Thông tin về chuyển nhượng cổ phần của người liên quan đến cổ đông nội bộ (theo danh sách chốt ngày 18/3/2011):

Stt	Họ và tên	Chức vụ/ Quan hệ	Năm 2009		Năm 2010	
			Số lượng (Cp)	Tỷ lệ năm giữ (%)	Số lượng (Cp)	Tỷ lệ năm giữ (%)
I. Người có liên quan của cổ đông nội bộ là thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát:						
1	Nguyễn Đạo Thịnh	Chủ tịch	65.550	0,110	70.550	0.118
1.1	Lê Thị Huấn	Vợ	35.000	0,059	45.000	0,075
2	Ngô Quang Trung	Phó Chủ tịch	47.286	0,079	47.286	0,079

Stt	Họ và tên	Chức vụ/ Quan hệ	Năm 2009		Năm 2010	
			Số lượng (Cp)	Tỷ lệ năm giữ (%)	Số lượng (Cp)	Tỷ lệ năm giữ (%)
2.1	Vũ Thị Dung	Vợ	11.457	0,019	10.457	0,017
II. Người có liên quan của cổ đông nội bộ là thành viên Ban Tổng giám đốc:						
1	Ngô Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	47.286	0,079	47.286	0,079
1.1	Vũ Thị Dung	Vợ	11.457	0,019	10.457	0,017

7. Các dữ liệu thống kê về cổ đông (theo danh sách chốt ngày 18/3/2011):

7.1 Cổ đông trong nước:

a. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Danh mục	Năm 2009		Năm 2010	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Tổ chức	34.921.029	58,39	35.389.610	59,17
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	33.964.653	56,79	33.964.653	56,79
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	956.376	1,59	1.424.957	2,38
2	Cổ đông cá nhân	12.860.733	21,50	16.708.932	27,94
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	12.860.733	21,50	16.708.932	27,94
Tổng cộng		54.175.687	47.781.762	52.098.542	87,11

b. Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	ĐKKD	Địa chỉ	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty xăng dầu Việt Nam	109911	Số 1 Khâm Thiên - Hà Nội	30.503.304	51,00
2	Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	60256	532 Đường Láng, Đống Đa - Hà Nội	3.461.349	5,79
Tổng cộng				33.964.653	56,79

7.2 Cổ đông nước ngoài:

a. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Danh mục	Năm 2009		Năm 2010	
		Cổ phiếu	Tỷ Lệ (%)	Cổ phiếu	Tỷ Lệ (%)
1	Cổ đông Tổ chức	11.836.454	19,79	7.451.067	12,46
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	11.836.454	19,79	7.451.067	12,46
2	Cổ đông cá nhân	189.569	0,32	258.176	0,43
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0		
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	189.569	0,32	258.176	0,43
Tổng cộng		12.026.023	20,11	7.709.243	12,89

b. Thông tin chi tiết về cổ đông lớn: Không có

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK TP.HCM

(Đã Ký)
Nguyễn Đạo Thịnh